TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 - 2019
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Kim Cương
2. Bà Lê Thị Cẩm Tú

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 226/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXX- ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Nhơn Hòa 1, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01 tháng 3 năm 2019 và trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn S có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng tiến đến hôn nhân vào năm 1990, hai người có đến Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 23/7/2008. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã do ông S không lo làm ăn không quan tâm chăm sóc vợ con mặc dù bà có khuyên can nhưng ông S không thay đổi tính tình. Hai người đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 19/5/1995 (trưởng thành) và Lê Ngọc Qu sinh ngày 05/7/2008. Hiện bà đang nuôi con tên Lê Ngọc Qu. Khi ly hôn bà đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Ông có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật dân sự. Ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị L có đơn xin xét xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông bà.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn S hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian 03 tháng và tự nguyện kết hôn chung sống với nhau vào năm 1990, hai người có đăng ký kết hôn nên Hôn nhân của ông bà là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thấy rằng từ khi chung sống, hai người chỉ hạnh phúc thời gian đầu về sau cuộc sống chung không hợp nhau, cãi vã do ông S không lo làm ăn không quan tâm chăm sóc vợ con nên hai người ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà L kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với ông Sinh được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng không đến. Do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông S.

[3] Về con chung: bà L và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 19/5/1995 (trưởng thành) và Lê Ngọc Qu sinh ngày 05/7/2008. Hiện bà L đang nuôi con tên Lê Ngọc Qu. Khi ly hôn bà L đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà L là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: bà L khai không có nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: bà L khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: bà L là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

2/ Về con chung: Giữ nguyên tình trang nuôi con là bà L tiếp tục nuôi con Lê Ngọc Qu sinh ngày 05/7/2008, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà L không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, ông S được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo biên lai số 4258 ngày 15/3/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-UBND xã Đức Hòa Thượng
-Lưu.